

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH  
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 425/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12-11-2024

Về tranh chấp: Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Định

*Các hội thẩm nhân dân:* - Ông Lê Quang Bảo

- Bà Vương Thị Minh Tân

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Công Thương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Lưu Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Vào ngày 12 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 331/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Hồng U, sinh năm 1986; số căn cước công dân: 036186019903; nơi đăng ký thường trú: Số nhà G đường Đ, tổ dân phố số C P, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**- Bị đơn:** Anh Trần Đoàn T, sinh năm 1981; số căn cước công dân: 036081000783; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số nhà G đường Đ, tổ dân phố số C P, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định (vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Tại đơn khởi kiện nộp ngày 03-10-2024; tại bản tự khai ngày 07-10-2024 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Trần Thị Hồng U trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Đoàn T có thời gian tìm hiểu khoảng 06 tháng. Sau đó, hai bên tổ chức lễ cưới trên cơ sở tự nguyện vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định vào ngày 10 tháng 7 năm 2007.

Sau khi kết hôn, chị và anh Trần Đoàn T chung sống tại số nhà G đường Đ, tổ dân phố số C P, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định. Cuộc sống vợ chồng diễn ra hòa thuận cho đến tháng 02 năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm cãi nhau, hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Tháng 5 năm 2024 chị U về nhà mẹ đẻ tại tổ dân phố T, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định ở, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Tháng 6-2024 chị đã làm đơn xin ly hôn nhưng vì thương con và muốn cho chồng một cơ hội nên chị đã rút đơn nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Tháng 10-2024 chị lại tiếp tục làm đơn xin ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Trần Đoàn T được ly hôn.

Về con chung: Chị Trần Thị Hồng U và anh Trần Đoàn T có 02 con chung là cháu Trần Phương L, sinh ngày 15-02-2008 (giới tính: Nữ) và cháu Trần Phi L1, sinh ngày 24-4-2012 (giới tính: Nam). Hiện tại, cả hai cháu đều đang sinh sống cùng anh Trần Đoàn T. Nếu vợ chồng ly hôn, chị Trần Thị Hồng U đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Trần Phương L, anh Trần Đoàn T trực tiếp nuôi cháu Trần Phi L1.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Hồng U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị Trần Thị Hồng U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Nam Định đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý; giấy triệu tập; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ; thông báo về việc thu thập tài liệu chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đối với anh Trần Đoàn T theo quy định của pháp luật nhưng anh Trần Đoàn T không đến Tòa án làm việc và không có lời khai tại Tòa án, không đưa ra quan điểm của mình đối với các yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Hồng U.

Tại đơn đề nghị chính quyền địa phương nơi chị Trần Thị Hồng U và anh Trần Đoàn T cư trú xác nhận: Chị U và anh T đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố N vào năm 2007. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh chị có 02 con chung là Trần Phương L và Trần Phi L1.

Tại biên bản xác minh, thu thập chứng cứ ngày 21-10-2024 của Tòa án tại địa phương nơi cư trú của anh Trần Đoàn T xác nhận: Năm 2007 chị U và anh T có tổ chức đám cưới và sinh sống tại địa chỉ số nhà G đường Đ, tổ dân phố số C P, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định, Quá trình chung sống giữa chị U và anh T có phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể thì địa phương không nắm được. Hiện tại chị U đã về nhà mẹ đẻ sinh sống, anh T và 02 con tiếp tục sinh sống tại địa chỉ trên.

Tại biên bản ghi nguyện vọng ngày 16-10-2024 của cháu Trần Phương L, cháu L xác định hiện tại đang sống cùng bố tại địa chỉ số nhà G đường Đ, tổ dân phố số C P, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định, nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại biên bản ghi nguyện vọng ngày 16-10-2024 của cháu Trần Phi L1, cháu L1 xác định hiện tại đang sống cùng bố tại địa chỉ số nhà G đường Đ, tổ dân phố số C P, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định, nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với bố.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn là chị U đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là anh T chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

- Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Hồng U và anh Trần Đoàn T.

- Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Hồng U trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Phương L, sinh ngày 15-02-2008; anh Trần Đoàn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Phi L1, sinh ngày 24-4-2012.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị Trần Thị Hồng U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Buộc chị Trần Thị Hồng U phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về tranh chấp được giải quyết trong vụ án:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Trần Thị Hồng U yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Trần Đoàn T; giải quyết về người trực tiếp nuôi con chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Bị đơn là anh Trần Đoàn T không có yêu cầu phản tố. Xét thấy, tranh chấp giữa chị U và anh T là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Trần Đoàn T có địa chỉ cư trú tại xã L, thành phố N, tỉnh Nam, nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

1.2. Về sự có mặt của các đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn là chị Trần Thị Hồng U có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Trần Đoàn T đã được tổng đạt hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng U và anh Trần Đoàn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L,

thành phố N, tỉnh Nam Định vào ngày 10/7/2007. Như vậy, hôn nhân giữa chị Trần Thị Hồng U và anh Trần Đoàn T là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị và anh Trần Đoàn T chung sống tại số nhà G đường Đ, tổ dân phố số C P, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do hai bên sống không hợp nhau, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hiện tại, chị U và anh T đã sống ly thân, chị U về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 5-2024, cuộc sống chung không còn trên thực tế. Nay chị U xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Hồng U và anh Trần Đoàn T ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị Hồng U và anh Trần Đoàn T.

2.2. Về con chung: Chị Trần Thị Hồng U và anh Trần Đoàn T có 02 con chung là cháu Trần Phương L, sinh ngày 16-10-2008 (giới tính nữ); cháu Trần Phi L1, sinh ngày 24-4-2012 (giới tính nam), hiện hai cháu L và L1 đang sinh sống cùng anh T.

Xét thấy, cháu L1 hiện tại đang ở anh T và đi học tại trường trung học xã L, thành phố N, tỉnh Nam Định. Đồng thời, cháu L1 cũng có nguyện vọng được ở với bố và chị U cũng có quan điểm đề nghị Tòa án giao cháu L1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với cháu L là con gái, cháu cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn, cháu L cũng có nguyện vọng được ở với mẹ và chị U cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L.

Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, căn cứ vào các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cho chị Trần Thị Hồng U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Phương L. Đối với anh Trần Đoàn T, mặc dù anh T không có quan điểm về nuôi con chung nhưng xét thấy hiện tại cháu L1 đang được anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống cho cháu nên giao cháu L1 cho anh Trần Đoàn T nuôi dưỡng là phù hợp.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Hồng U không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

2.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị Trần Thị Hồng U không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV thì án phí trong vụ án sẽ được quyết định như sau:

Chị Trần Thị Hồng U là nguyên đơn trong vụ án nên phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị Hồng U và anh Trần Đoàn T.

2. Về nuôi con chung:

- Giao cho chị Trần Thị Hồng U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Phương L, sinh ngày 15-02-2008 (giới tính nữ).

- Giao cho anh Trần Đoàn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Phi L1, sinh ngày 24-4-2012 (giới tính nam).

Chị Trần Thị Hồng U và anh Trần Đoàn T vẫn có đầy đủ quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị Hồng U phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Trần Thị Hồng U đã nộp tại biên lai số 0002316 ngày 03-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định. Chị Trần Thị Hồng U đã nộp đủ án phí.

#### 4. Quyền kháng cáo:

Chị Trần Thị Hồng U và anh Trần Đoàn T có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- UBND phường Lộc Hòa, TP Nam Định  
T. Nam Định;  
(ĐKKH số 43 ngày 10-7-2007)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

